

Số: 330 /BC-SNN

Trà Vinh, ngày 29 tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 5 Và một số nhiệm vụ trọng tâm tháng 6 năm 2017

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 5

Trung tuần tháng 5 đã có mưa tập trung nhiều với lượng mưa đều trên diện rộng tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất trồng trọt đặc biệt cho xuống giống lúa Hè Thu; giá cả hầu hết các mặt hàng nông sản: Dừa hấu, heo hơi, gà thả vườn... giảm mạnh (chỉ có dừa giá tăng cao; tôm sú, cá lóc, cá tra tăng nhẹ) đã làm ảnh hưởng đáng kể đến sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Tuy nhiên, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp của tỉnh vẫn tiếp tục đạt được những kết quả tích cực, cụ thể như sau:

1. Kết quả đạt được:

a) Sản xuất và phòng, chống dịch bệnh:

- Trồng trọt và BVTV:

+ Cây lúa: Vụ Đông Xuân, thu hoạch 8.402 ha, nâng tổng diện tích thu hoạch dứt điểm 59.915 ha, đạt 100% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,89 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 0,35 tấn/ha), sản lượng 353.296 tấn, đạt 94,46% kế hoạch. Thu hoạch dứt điểm 14 mô hình cánh đồng lớn, năng suất bình quân 6,5 tấn/ha. Hè Thu, xuống giống 26.786 ha, nâng tổng diện tích xuống giống đến nay 33.196 ha (cao hơn cùng kỳ 29.182 ha, nguyên nhân do năm 2016 ảnh hưởng thiên tai nên điều chỉnh lùi lịch thời vụ), đạt 42,56% kế hoạch. Xuống giống 07 mô hình cánh đồng lớn, diện tích 1.366 ha. Diện tích nhiễm sâu bệnh 122 ha, gồm đạo ôn lá 40 ha, sâu cuốn lá nhỏ 45 ha, ốc bươu vàng 37 ha với tỉ lệ nhẹ tập trung ở huyện Tiểu Cần và Cầu Ngang.

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 4.180 ha, nâng tổng diện tích đã gieo trồng 30.827 ha, đạt 55,5% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ 706 ha), gồm: Màu lương thực 3.779 ha; màu thực phẩm 14.746 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 12.303 ha.

+ Thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất: Theo tổng hợp báo cáo nhanh từ Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng kinh tế thị xã, thành phố, trong 5 tháng thực hiện chuyển đổi 1.042 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây ngắn ngày, cây lâu năm và nuôi thủy sản. Nâng tổng số từ năm 2014 đến nay đã thực hiện chuyển đổi được 10.207 ha (chi tiết phụ lục đính kèm).

+ Theo dõi bẫy đèn, kiểm tra các điểm dự báo sâu bệnh, phát hành 01 thông báo phòng trị đạo ôn lúa đến huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần; thực hiện mô

hình khắc phục mặn trên cây chôm chôm, diện tích 0,2 ha; mô hình quản lý dịch hại tổng hợp trên cây ớt, diện tích 0,3 ha; mô hình phòng ngừa thiệt hại hạn mặn trên cây bưởi và cam sành, diện tích 0,6 ha; mô hình quản lý bệnh đốm nâu trên thanh long, diện tích 0,1 ha. Phóng thích 600 ong ký sinh để quản lý bọ cánh cứng hại dừa và 5.000 ong ký sinh mắt đỏ quản lý sâu đục trái bưởi.

b) Chăn nuôi – thú y:

- Tình hình chăn nuôi tiếp tục gặp khó khăn, cung vượt cầu làm giá heo hơi, bò hơi và gia cầm giảm mạnh, người nuôi bị thua lỗ nên lượng tái đàn giảm. Theo số liệu điều tra của Cục thống kê, tổng đàn vật nuôi tại thời điểm 01/4 như sau: Đàn trâu 764 con, giảm 190 con; đàn bò 199.610 con, tăng 23.266 con; đàn heo 368.326 con, tăng 16.443 con; đàn gia cầm 4,2 triệu con, tăng 72.270 con.

- Thực hiện kiểm dịch 33.879 con heo, 1.926 con trâu, bò, 275.204 con gia cầm và 81 tấn sản phẩm động vật. Nâng tổng số đến nay đã kiểm dịch 140.427 con heo; 5.446 con trâu, bò; 1,2 triệu con gia cầm và 320 tấn sản phẩm động vật.

- Tiêm phòng cúm 229.947 con gia cầm; tiêm LMLM 898 gia súc; tiêm các bệnh thường xuyên 48.450 gia súc; tiêm phòng dại chó, mèo 190 con và các bệnh khác 33.123 gia súc, gia cầm. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay tiêm phòng cúm 1.379.417 gia cầm, đạt 45% so tổng đàn thuộc diện tiêm; tiêm LMLM 14.027 gia súc, đạt 18% so tổng đàn thuộc diện tiêm; tiêm phòng các bệnh thường xuyên 293.325 gia súc (dịch tả 98.880 con, đạt 27,5%, tụ huyết trùng 95.570 con, đạt 27,1%, phó thương hàn 98.875 con, đạt 27,4%); tiêm phòng dại chó, mèo 1.377 con và các bệnh khác 309.114 con. Vệ sinh tiêu độc khử trùng đợt 1 đã sử dụng 8.202 lít hóa chất phun xịt 15.174.136 m² chuồng trại của 271.169 lượt hộ.

c) Lâm nghiệp: Tổ chức 96 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện 01 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay tổ chức 415 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện 04 trường hợp vi phạm, đã xử lý theo quy định; nghiệm thu vệ sinh phòng cháy rừng, diện tích 254 ha, đạt 100% kế hoạch; triển khai kế hoạch khoán bảo vệ rừng năm 2017, diện tích 5.164 ha. Kiểm tra vườn ươm phục vụ trồng rừng và trồng cây lâm nghiệp phân tán theo kế hoạch.

d) Thủy sản: Sản lượng thu hoạch 13.861 tấn. Nâng tổng sản lượng đã thu hoạch 57.057 tấn (đạt 33,6% kế hoạch), tăng 8.455 tấn so với cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 2.739 ha, thu hoạch 8.744 tấn. Nâng diện tích đã thả nuôi 32.797 ha (đạt 76,3% kế hoạch), thu hoạch 30.624 tấn (đạt 30,2% kế hoạch), cao hơn cùng kỳ 8.314 tấn, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 2.607 ha (676 triệu con giống), thu hoạch 4.393 tấn. Nâng tổng số đã thả nuôi 32.120 ha (3,2 tỷ con giống), gồm: Tôm sú 16.663 ha (1,18 tỷ con giống), tôm chân trắng 3.540 ha (1,99 tỷ con giống), cua biển 11.831 ha (64 triệu con); thu hoạch 10.455 tấn (cao hơn cùng kỳ 4.557 tấn), gồm: Tôm sú 2.444 tấn (tăng 997 tấn), tôm chân trắng 5.516 tấn (tăng 2.245 tấn), cua biển 1.685 tấn (tăng 754 tấn), còn lại là các loại thủy sản khác.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 131 ha (17 triệu con giống), thu hoạch 4.351 tấn, nâng tổng số đến nay thả nuôi 677 ha (79,2 triệu con giống), gồm: Cá lóc 168 ha, tôm càng xanh 199 ha, còn lại là cá các loại; thu hoạch 20.169 tấn (cao hơn

cùng kỳ 3.757 tấn), gồm: Cá lóc 11.134 tấn (tăng 1.413 tấn), cá tra 4.690 tấn (tăng 3.056 tấn), tôm càng xanh 479 tấn (tăng 191 tấn), còn lại là các loại khác.

+ Tình hình bệnh và thiệt hại con giống: Do bắt đầu mùa mưa, thời tiết biến động thất thường, sau những cơn mưa thường xuất hiện nắng nóng làm cho môi trường ao nuôi biến động mạnh làm ảnh hưởng sức khỏe tôm nuôi, giảm sức đề kháng tạo cơ hội cho mầm bệnh phát sinh; trong tháng tôm nuôi vẫn còn thiệt hại rải rác, nhưng mức độ thiệt hại giảm so với tháng 4, tôm chết có dấu hiệu của bệnh đốm trắng, hoại tử gan tụy, đỏ thân, đường ruột gây thiệt hại 32,4 triệu con tôm sú (diện tích 155 ha) và 118 triệu con tôm chân trắng (diện tích 196 ha). Nâng tổng số tôm nuôi bị thiệt hại đến nay có 117 triệu con tôm sú (chiếm 10% lượng giống thả nuôi chung, 31% lượng giống thả nuôi thâm canh và bán thâm canh), diện tích 562 ha (chiếm 3,5% diện tích thả nuôi chung, 28% diện tích thả nuôi thâm canh và bán thâm canh) và 359 triệu con tôm chân trắng (chiếm 20,3% con giống thả nuôi), diện tích 611 ha (chiếm 19,7% diện tích thả nuôi).

+ Công tác phòng, chống dịch bệnh: Phân công cán bộ kỹ thuật xuống địa phương tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm và giám sát dịch bệnh nhằm chủ động phòng chống. Kiểm dịch 333 triệu con tôm giống; thực hiện 46 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 53 mẫu giáp xác (19 mẫu tôm nuôi) phân tích phục vụ nuôi thủy sản.

- Khai thác: Sản lượng 5.117 tấn (834 tấn tôm), nâng sản lượng khai thác lên 26.433 tấn (4.275 tấn tôm), đạt 38,6% kế hoạch (tăng 141 tấn so cùng kỳ), gồm: Khai thác nội đồng 3.738 tấn (1.101 tấn tôm), khai thác biển 22.695 tấn (3.174 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 1.009 tấn (tôm sú 38 tấn, tôm thẻ 449 tấn), chế biến 597 tấn, tiêu thụ 406 tấn, kim ngạch xuất khẩu 2,3 triệu USD. Nâng sản lượng các doanh nghiệp thu mua lên 4.693 tấn (tôm sú 267 tấn, tôm thẻ 1.885 tấn), chế biến 2.452 tấn, tiêu thụ 2.187 tấn, kim ngạch xuất khẩu 12 triệu USD.

2. Phát triển nông thôn:

- Nông thôn mới: Các địa phương lồng ghép thực hiện tuyên truyền cho 8.929 lượt người về tiêu chí nông thôn mới, tiêu chuẩn hộ nông thôn mới, vận động người dân trồng cây xanh làm hàng rào, cột cờ kết hợp đèn chiếu sáng. Nâng tổng số tuyên truyền cho 15.922 lượt người, công nhận 197 ấp nông thôn mới (chiếm 28,9%); 137.289 hộ nông thôn mới (chiếm 61,47% số hộ phát động). Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí có 23 xã đạt 19 tiêu chí, 13 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí, 49 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí. Kết hợp tham mưu UBND tỉnh phân bổ vốn cho địa phương theo hướng dẫn số 11161/BNN-VPĐP của Bộ Nông nghiệp - PTNT.

- Ngành nghề nông thôn: Tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án đào tạo nghề lao động nông thôn; thu thập, tổng hợp thông tin tình hình sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn năm 2017.

- Chương trình bố trí dân cư: Tiếp tục theo dõi tiến độ thi công Kè chống sạt lở bảo vệ khu vực thị trấn Tiểu Cần bờ phải, chiều dài 659 m (đạt 35% khối lượng), riêng kè bờ trái trình UBND tỉnh gia hạn thời gian thi công; dự án Di dân

sạt lở áp Cồn Phụng đã ký hợp đồng ủy thác với Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tổ chức lựa chọn nhà thầu Dự án mở rộng tuyến ống cấp nước trạm cấp nước xã Nhị Long; khởi công Dự án nâng cấp nhà máy nước sạch xã Đại Phước. Trong tháng, đã lắp đặt cho 673 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đã cung cấp cho 98.748 hộ.

3. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quy hoạch:

- Tiếp tục triển khai xây dựng Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, quy hoạch nuôi tôm nước lợ; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch vùng nguyên liệu mía và quy hoạch chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

- Lập thủ tục trình phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí rà soát, điều chỉnh quy hoạch thủy lợi và rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Xin chủ trương lập 2 dự án quy hoạch: Khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp đô thị.

b) Tham mưu xử lý, ban hành văn bản:

- Hoàn chỉnh Kế hoạch tập huấn giảm viên nguồn và cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện về tái cơ cấu nông nghiệp, kinh tế hợp tác, an toàn vệ sinh thực phẩm và quản lý môi trường nông thôn theo chỉ đạo của Tỉnh ủy.

- Đề xuất các nhiệm vụ dự án phục vụ xây dựng chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên môi trường biển và hải đảo; đăng ký nội dung thực hiện chương trình tăng trưởng xanh của ngành giai đoạn 2017-2020.

- Xây dựng trình UBND tỉnh định mức giá nhân công và định mức kinh tế kỹ thuật gieo ươm trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ngập mặn; tham mưu UBND tỉnh xây dựng mới Quyết định quản lý một số lĩnh vực trong hoạt động thủy sản thay thế Quyết định 12/2013/QĐ-UBND và Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND sửa đổi bổ sung Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND.

- Xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020.

c) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Các địa phương tổ chức thực hiện được 116 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 96.591 m, khối lượng 348.940 m³. Nâng tổng số đến nay thực hiện được 320 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 232.288 m, khối lượng 654.767 m³ (đạt 54% kế hoạch).

- Nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng công trình nạo vét 02 kênh cấp 2: Kênh T11 và kênh Đôn Châu, huyện Duyên Hải.

- Tổ chức 16 đợt kiểm tra các tuyến đê, phát hiện 03 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê và 01 cây cầu bị hư. Nâng tổng số đến nay tổ chức 73 đợt kiểm tra, phát hiện 18 trường hợp vi phạm, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khôi phục lại hiện trạng.

- Tiếp tục kiểm tra, đôn đốc tiến độ thi công các công trình: Duy tu, sửa chữa tuyến đê biển đoạn Tổng Long – Bắc Trang, đạt 80% khối lượng; sửa chữa đảm bảo giao thông đê Hải Thành Hòa, đạt 22% khối lượng; sửa chữa 05 cầu giao thông và trên tuyến đê Tả - Hữu sông Cổ Chiên đạt 70% khối lượng.

d) Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi tình hình thực hiện của 21 dự án (02 dự án khởi công mới, 16 dự án chuyển tiếp, 03 dự án hoàn thành), gồm: 08 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 08 công trình đê, kè; 05 công trình dân dụng, đã giải ngân 31,3 tỷ đạt 26,95% kế hoạch.

e) Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:

- Đăng ký danh sách các HTX xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn VietGAP với Sở Khoa học Công nghệ và Sở Công thương; phối hợp các Sở, ban ngành khảo sát, đánh giá xây dựng kế hoạch hỗ trợ 12 HTX kiểu mới.

- Tổng hợp ý kiến của các Sở ngành: Dự thảo Kế hoạch thực hiện phong trào thi đua “đổi mới, phát triển các hợp tác xã nông nghiệp theo Luật HTX góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”; Quy chế hoạt động của BCD thực hiện Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long”.

f) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá:

- Tổ chức 14 lớp tập huấn kiến thức về VSATTP cho 641 cán bộ tại các xã nông thôn mới trên địa bàn các huyện, thành phố; cấp phát 668 bộ tài liệu. Lũy kế đến nay đã tổ chức 32 lớp tập huấn kiến thức về VSATTP cho 1.395 cán bộ tại các xã nông thôn mới; cấp phát 1.466 bộ tài liệu.

- Kiểm tra, đánh giá, phân loại 36 cơ sở sản xuất kinh doanh nông, thủy sản; cấp 12 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, 18 giấy xác nhận kiến thức ATTP; thu 180 mẫu (107 mẫu nông sản, 73 mẫu thủy sản) phân tích, kiểm nghiệm dư lượng chất độc hại. Nâng tổng số đến nay kiểm tra, đánh giá, phân loại 131 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản, kết quả: 89 cơ sở loại A, 42 cơ sở loại B; cấp 59 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, 84 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 343 mẫu (190 mẫu nông sản, 153 mẫu thủy sản). Kết quả phát hiện 21 mẫu không đạt yêu cầu (01 mẫu thịt heo xông khói có Salbutamol, 01 mẫu cốm có Aflatoxin B1, 01 mẫu chả hoa nhiễm Natri Benzoat, 04 mẫu rau tồn dư thuốc BVTV, 04 mẫu cà phê bột có hàm lượng caffein thấp hơn mức công bố, 10 mẫu chả cá có hàn the).

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật 44 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 15 tàu, đăng ký 11 tàu, cấp 09 số danh bạ (31 thuyền viên); cấp 38 giấy phép khai thác thủy sản, 08 giấy chứng nhận ATTP. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 174 tàu, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 48 tàu, đăng ký 55 tàu, xóa bộ 03 tàu, cấp 55 số danh bạ (236 thuyền viên), cấp 161 giấy phép khai thác thủy sản, 10 giấy chứng nhận ATTP; toàn tỉnh hiện có 1.213 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 113.363 CV (252 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

+ Tổ chức thu phí 2.468 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 3.110 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 122 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay thu phí

6.426 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 10.491 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 522 triệu đồng.

- Thanh tra, kiểm tra: Đoàn thanh tra chuyên ngành tổ chức 07 cuộc thanh tra, kiểm tra ATTP, phá rừng trái luật, kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và vận chuyển giống thủy sản với 217 cá nhân, tổ chức; phát hiện 66 trường hợp vi phạm, ban hành 13 quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Nâng đến nay Đoàn thanh tra chuyên ngành tổ chức 13 cuộc thanh tra, kiểm tra ATTP, phá rừng trái phép, kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, vận chuyển giống thủy sản, cải hoán tàu cá đối với 337 cá nhân, tổ chức; phát hiện 82 trường hợp vi phạm, ban hành 21 quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

g) Công tác khuyến nông và công tác giống:

- Công tác khuyến nông:

+ Tổ chức 25 lớp tập huấn kỹ thuật canh tác lúa, trồng rau màu, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi thủy sản cho 784 lượt người. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 167 lớp tập huấn cho 4.807 lượt người (trồng trọt 42 lớp 1.346 lượt người, chăn nuôi 39 lớp 1.070 lượt người, thủy sản 86 lớp 2.391 lượt người).

+ Phân công 13 viên chức trực tiếp tư vấn hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm nước lợ cho 820 lượt hộ. Nâng tổng số đến nay trực tiếp tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho 1.850 lượt hộ về quy trình cải tạo ao, chọn con giống, kỹ thuật nuôi, phòng ngừa dịch bệnh và những lưu ý trong nuôi tôm nước lợ.

+ Tổ chức 01 cuộc tổng kết mô hình trồng bắp chuyên đổi gen. Kết hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình thực hiện 01 cuộc tọa đàm “Những giải pháp nhằm tăng năng suất, chất lượng lúa Hè Thu”, 02 bản tin thời sự. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 07 cuộc tổng kết, hội thảo, kết hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình thực hiện 04 cuộc tọa đàm và 03 bản tin thời sự.

+ Tiếp tục thực hiện các mô hình trình diễn: Mô hình trồng bắp chuyên đổi gen, trồng thâm canh cây gạo, luân canh lúa - tôm thẻ, trồng cà chua theo hướng an toàn sử dụng màng phủ nông nghiệp, xây dựng cánh đồng lớn thâm canh áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa, xây dựng và nhân rộng mô hình giảm lượng hạt giống gieo sạ trong sản xuất lúa, canh tác lúa thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình chăn nuôi vịt biển, chăn nuôi gà sinh sản theo hướng an toàn sinh học, nuôi tôm nước lợ kết hợp cá đối mục, ...

- Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Vụ Hè Thu khảo nghiệm các giống lúa của Viện lúa ĐBSCL tại trại Bình Phú, diện tích 0,4 ha, hiện lúa phát triển tốt; sản xuất 9,6 ha lúa giống cấp xác nhận 1, gồm các giống OM 5451, OM 9921, OM 4900, IR 50404; ghép 500 nhánh bưởi da xanh và ươm 120 trái dứa giống; cung ứng 37,4 tấn lúa giống cấp xác nhận, nhập 1.745 cây giống các loại. Nâng đến nay đã ghép 1.320 nhánh bưởi da xanh, ươm 690 trái dứa giống; cung ứng 63,2 tấn lúa giống cấp xác nhận, nhập 1.745 cây giống các loại, cung ứng 906 cây giống các loại.

+ Giống thủy sản: Nuôi vỗ và lưu giữ đàn cá bố mẹ chuẩn bị sản xuất giống phục vụ cho người nuôi; sản xuất, cung ứng và điều tiết 2,7 triệu con tôm sú; 3,6 triệu con tôm thẻ chân trắng; 1,3 triệu con cua biển; 450 ngàn con tôm càng xanh

toàn đực. Nâng tổng số đến nay đã điều tiết, cung ứng trên 10,3 triệu con tôm sú, 8,2 triệu con tôm thẻ chân trắng, 2,5 triệu con tôm càng xanh toàn đực, 1,5 triệu con cua biển.

h) Về tình hình hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp 2017: Các đơn vị được phân công hỗ trợ đang hoàn chỉnh kế hoạch hỗ trợ để triển khai thực hiện các công việc như sau:

- Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản phối hợp với huyện Càng Long hỗ trợ xã điểm Tân Bình về chuyển đất lúa sang trồng cam sành, trồng màu; hỗ trợ thành lập mới tổ hợp tác, hợp tác xã nuôi gà và trồng màu; khuyến khích cải tạo giống để nâng cao tầm vóc và chất lượng đàn bò (hỗ trợ tinh bò theo Quyết định 50); nuôi heo theo hướng tập trung, an toàn dịch bệnh.

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp với huyện Trà Cú hỗ trợ xã Phước Hưng và Hàm Tân, cụ thể: Xã Phước Hưng vận động người dân cải tạo vườn nhãn kém hiệu quả chuyển sang trồng bưởi da xanh, diện tích 13 ha; xã Hàm Tân triển khai mô hình nuôi tôm công nghệ cao; chăn nuôi bò tập trung, an toàn dịch bệnh. Kết quả đã tuyên truyền đến hộ chăn nuôi để thực hiện tiêm phòng theo quy trình.

- Chi cục Thủy sản kết hợp huyện Cầu Ngang chọn xã Long Sơn làm xã điểm để hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu, đến nay đã xây dựng xong kế hoạch và phương án thực hiện hỗ trợ. Đã tổ chức 02 cuộc tuyên truyền phổ biến pháp luật nuôi trồng thủy sản, cho 60 lượt người. Thực hiện 02 mô hình nuôi tôm càng xanh 02 giai đoạn, dự kiến thả giống trong tháng 6.

- Trung tâm Giống kết hợp UBND và Phòng Kinh tế thị xã Duyên Hải tổ chức 02 lớp tập huấn kỹ thuật ương, thuần dưỡng giống tôm sú, tôm thẻ, cua biển cho 60 lượt người.

- Chi cục Phát triển nông thôn kết hợp địa phương điều tra, khảo sát hướng dẫn xã Phú Cần lập kế hoạch hỗ trợ tái cơ cấu trên địa bàn xã.

- Chi cục Trồng trọt và BVTV: Lập kế hoạch hỗ trợ xã điểm Tam Ngãi trong công tác phòng chống dịch bệnh trên cây có múi và cây lúa. Cụ thể: đã chọn 10 ha cam sành đang cho trái tại ấp Bung Lớn B để tư vấn, hướng dẫn tăng cường sử dụng phân hữu cơ, nhằm hạn chế dịch bệnh, kéo dài tuổi thọ của cây; thả 5.000 con ong mắt đỏ để phòng trừ sâu đục trái bưởi; chọn điểm xây dựng mô hình phòng chống hạn mặn, sử dụng phân bón hữu cơ sinh học trên lúa, diện tích 01 ha

i) Công tác ứng dụng triển khai thực hiện các chính sách:

- Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg: Các địa phương hoàn chỉnh thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ năm 2016, đồng thời tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch năm 2017.

- Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ: Hợp xét duyệt đóng mới 08 tàu; đến nay các tổ chức tín dụng đã giải ngân đóng mới 11/11 tàu được UBND tỉnh phê duyệt, với tổng dư nợ 119,19 tỷ đồng, đạt 82,43% số tiền cam kết.

- Chính sách hỗ trợ chuyển từ trồng lúa sang trồng bắp theo Quyết định 915/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Từ vụ Thu đông mùa 2016-2017 đến nay

có 307,59 ha đất trồng lúa chuyển sang trồng bắp tập trung chủ yếu ở huyện Tiểu Cần và Duyên Hải.

- Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg: Công ty Lương thực tổ chức thu mua 2.254 tấn lúa hàng hóa. Lấy ý kiến đóng góp Phương án xây dựng cánh đồng lớn của HTX nông nghiệp Thành Công, xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú (lần 2).

- Chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND: Trên cơ sở đề nghị của địa phương, ngành nông nghiệp đã tổng hợp kinh phí đề nghị Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí để địa phương thực hiện. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ là 25,44 tỷ đồng.

- Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP: Ngành xây dựng dự thảo quy định mức hỗ trợ cụ thể cho từng loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản, chuẩn bị tổ chức lấy ý kiến các Sở, ban ngành tỉnh.

3. Tồn tại, hạn chế:

- Năng suất lúa vụ Đông xuân cao hơn cùng kỳ nhưng thấp hơn vụ Đông xuân hàng năm do mưa trái vụ trong giai đoạn đòng trổ làm cây lúa không thụ phấn được, đổ ngã dẫn đến năng suất thấp.

- Diện tích chuyển đổi từ sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác còn thấp do đầu ra của các sản phẩm thực hiện chuyển đổi còn nhiều bấp bênh.

- Tình hình tái đàn trong chăn nuôi vẫn rất ít do giá đầu ra thấp người nuôi bị thua lỗ.

- Bệnh hoại tử gan tụy và bệnh đốm trắng trên tôm tiếp tục xảy ra cục bộ ở một số địa phương, làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển nuôi tôm nước lợ do chưa thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh trước điều kiện thời tiết biến động bất thường như hiện nay.

- Công tác nạo vét các công trình thủy lợi nội đồng còn chậm so với kế hoạch đề ra do các huyện thực hiện theo quy trình đầu tư xây dựng cơ bản, phải qua nhiều giai đoạn.

- Một số công trình xây dựng cơ bản tiến độ thực hiện và giải ngân chậm do phải xin chủ trương điều chỉnh thông số kỹ thuật thiết kế, khâu giải phóng mặt bằng chậm.

- Việc triển khai thực hiện các chính sách đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh chưa đạt kế hoạch đề ra do các địa phương thiếu quan tâm thực hiện.

- Công tác phối hợp giữa các phòng, đơn vị trực thuộc và địa phương trong việc phân công hỗ trợ xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện tái cơ cấu theo Quyết định số 54/QĐ-SNN của Giám đốc Sở còn chậm.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 6

1. Sản xuất và phòng chống dịch bệnh:

a) Trồng trọt - BVTV:

- Cây lúa: Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích lúa Hè Thu đã xuống giống, đồng thời tuyên truyền, vận động người dân vệ sinh đồng ruộng xuống giống lúa Hè Thu dứt điểm trong tháng 5.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Hướng dẫn nông dân chăm sóc, thu hoạch màu Đông Xuân, triển khai xuống giống cây màu vụ mùa; vận động nông dân chuyển đưa cây màu xuống chân ruộng ở những nơi có điều kiện, đặc biệt là cây bắp, đậu phộng, rau ăn quả các loại.

b) Chăn nuôi thú y: Tập trung giám sát tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm; thực hiện tiêm phòng cho đàn vật nuôi và tiêu độc sát trùng môi trường theo quy định. Thu mẫu giám sát sự lưu hành vi rút Cúm theo chỉ đạo của cơ quan chuyên môn; tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống bệnh Đại và bắt chó thả rông. Tiếp tục phối hợp chính quyền địa phương vận động hộ chăn nuôi ký cam kết tiêm phòng cho đàn vật nuôi. Hoàn chỉnh Đề án “Phát triển chăn nuôi bò thịt”. Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các Dự án trong Chương trình Heifer.

c) Lâm nghiệp: Tổng hợp ý kiến đóng góp dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thu phí trong lĩnh vực giống lâm nghiệp; xây dựng Đề án chuyển hóa rừng giống và Đề án cải tạo rừng kém hiệu quả trình UBND tỉnh phê duyệt. Tập trung tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy chữa cháy rừng đến người dân; thực hiện tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã để kịp thời ngăn chặn các trường hợp vi phạm; tiếp tục chăm sóc cây giống đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn để triển khai trồng rừng theo kế hoạch.

d) Thủy sản: Tăng cường theo dõi chặt chẽ diễn biến, xác định cụ thể nguyên nhân gây bệnh trên tôm nuôi nước lợ và cá nuôi để có biện pháp phòng, chống kịp thời, hạn chế lây lan ra diện rộng; đẩy mạnh công tác tập huấn quy trình nuôi tôm VietGAP và các quy định pháp luật trong lĩnh vực thủy sản; tăng cường cán bộ kỹ thuật bám địa bàn các xã nuôi thủy sản nhằm hướng dẫn nông dân thả giống theo lịch thời vụ, thực hiện tốt công tác quan trắc, cảnh báo môi trường để có những khuyến cáo kịp thời cho người nuôi; tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thực hiện tốt việc đăng ký, đăng kiểm tàu cá; cấp, gia hạn giấy phép khai thác và quản lý tàu cá, quản lý khai thác thủy sản, quản lý nguồn lợi và môi trường thủy sản theo quy định; hoàn chỉnh Đề án nuôi tôm nước lợ. Kết hợp địa phương, các nhà khoa học làm thí nghiệm xác định rõ nguyên nhân gây bệnh vành mang trên tôm nuôi có phải do thức ăn không và thành lập đoàn công tác để xử lý khiếu kiện.

2. Phát triển nông thôn:

- Ban hành: Quy chế hoạt động “BCĐ các Chương trình MTQG và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; Quyết định phân công thành viên BCD tỉnh phụ trách địa bàn; Kế hoạch thông tin tuyên truyền chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020; Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã văn hóa và tiêu chuẩn “Áp văn hóa, nông thôn mới”, “Gia đình văn hóa, nông thôn mới”.

- Đôn đốc làng nghề sản xuất cơm dẹp xã Nhị Trường, huyện Cầu Ngang và làng nghề bó chổi xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ gửi Hội đồng xét duyệt công nhận.

- Tiếp tục theo dõi tiến độ các dự án thuộc chương trình bố trí dân cư; triển khai lắp đặt 900 đồng hồ nước cho hộ dân nông thôn.

2. Công tác chuyên ngành:

- Công tác quy hoạch: Tiếp tục triển khai xây dựng Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh; Quy hoạch chi tiết nuôi tôm nước lợ; rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu mía và Quy hoạch chăn nuôi và giết mổ tập trung; Quy hoạch thủy lợi. Trình UBND tỉnh phê duyệt đề cương, nhiệm vụ, dự toán Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn. Xây dựng đề cương, dự toán trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt các quy hoạch: Khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Vùng sản xuất nông nghiệp đô thị; Vùng sản xuất lúa hữu cơ; Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật: Tổ chức 40 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tiếp tục phân công cán bộ tư vấn trực tiếp kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển; triển khai, xuống giống, đồng thời hướng dẫn người dân thực hiện các dự án thuộc chương trình vốn sự nghiệp; chọn hộ để thực hiện các mô hình kết hợp với dự án AMD; theo dõi, hướng dẫn người dân thực hiện các mô hình khuyến nông quốc gia và dự án kết hợp.

- Công tác bảo vệ thực vật: Kiểm tra các điểm dự tính, dự báo sâu bệnh trên lúa và các loại cây trồng khác, thông báo đến địa phương và hướng dẫn nông dân phòng trừ; tổ chức điều tra cơ cấu giống lúa; kiểm tra, theo dõi các mô hình phòng chống dịch bệnh đang thực hiện; tiếp tục tổ chức nhân nuôi, thả ong ký sinh phòng trừ bọ cánh cứng hại dừa, sâu đục trái bưởi; tổ chức tập huấn trồng rau an toàn.

- Về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm:

+ Tổ chức tập huấn, tuyên truyền công tác quản lý chất lượng và phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm nông, thủy sản; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch nghêu, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông, thủy sản. Đồng thời, tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh đã đăng ký.

+ Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm, sản xuất, kinh doanh, ương dưỡng và vận chuyển giống thủy sản.

- Tổ chức đánh giá công tác 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2017.

- Triển khai xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018.

- Thành lập đoàn công tác hỗ trợ huyện Châu Thành thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất

- Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Tăng cường triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Về hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp 2017: Phòng chính sách và thông tin, Chi cục Kiểm lâm và Trung tâm Khuyến nông khẩn trương hoàn chỉnh kế hoạch hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu theo Quyết định số 54/QĐ/SNN của Giám đốc Sở. Các đơn vị được phân công hỗ trợ chủ động phối hợp với các đơn vị trong ngành và Phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Kinh tế thị xã, thành phố để thực hiện tốt các nhiệm vụ ngoài chuyên môn theo kế hoạch đề ra.

3. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị, phòng thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng kinh tế thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Truyền



Phụ lục: Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa

STT	Tình hình thực hiện	Lúa chuyển đổi	Chuyển sang các loại cây trồng, vật nuôi											Ghi chú	
			Cây ngắn ngày khác							Cây lâu năm		Kết hợp NTS	Chuyên nuôi TS		
			Bắp	Đậu phộng	Mía	Lác	Cây có bột khác	Rau, củ, quả	Trồng cỏ	Cây khác	Cây ăn trái				Cây dừa
Từ năm 2014 - nay		10.206,60	1.610,10	391,38	7,45	54,93	15,47	4.281,15	215,00	366,27	1.143,43	252,05	631,92	1.237,45	
1	Năm 2014	2.945,32	220,63	267,62	-	22,00	0,77	1.418,61	76,61	10,50	108,29	22,30	224,10	573,90	
1	Càng Long	219,12	2,80	0,10		12,00	0,77	101,65	4,91	9,50	66,89	19,30	1,20		
2	Cầu Kè	172,17	19,87				0,00	121,90			30,40				
3	Tiểu Cần	141,49	24,48					117,01							
4	Châu Thành	227,15	1,25	0,30				215,00			2,00	3,00	5,40	0,20	
5	Trà Cú	69,63	22,48	0,40				46,75							
6	Cầu Ngang	1522,17	147,85	16,82				589,30	70,00				149,50	548,70	
7	Duyên Hải	402,30	1,90	235,00				80,70	1,70				63,00	20,00	
8	TX Duyên Hải	146,30		15,00				121,30					5,00	5,00	
9	TP Trà Vinh	45,00				10,00		25,00		1,00	9,00				
2	Năm 2015	2710,04	794,99	59,91	0,00	15,15	1,50	913,39	69,70	120,30	310,68	54,52	128,50	241,40	
1	Càng Long	285,90	0,30			15,15	1,50	56,05	8,90	12,00	148,48	41,02	2,50		
2	Cầu Kè	144,00									144,00				
3	Tiểu Cần	110,00						110,00							
4	Châu Thành	136,70	4,00	4,00				96,40			7,00	8,50	1,60	15,20	
5	Trà Cú	960,90	634,95	21,26				249,39	13,70		6,20		35,40		
6	Cầu Ngang	794,58	144,89	20,10				334,49	30,00				80,00	185,10	
7	Duyên Hải	157,50	4,00	0,40				2,00	13,90	108,30			4,00	24,90	
8	TX Duyên Hải	50,50	0,00	12,00				15,30	3,20				5,00	15,00	

STT	Tình hình thực hiện	DT đất lúa chuyển đổi	Chuyển sang các loại cây trồng, vật nuôi											Ghi chú	
			Cây ngắn ngày khác							Cây lâu năm		Kết hợp NTS	Chuyên nuôi TS		
			Bắp	Đậu phộng	Mía	Lác	Cây có bột khác	Rau, củ, quả	Trồng cỏ	Cây khác	Cây ăn trái				Cây đừa
9	TP Trà Vinh	69,96	6,85	2,15				49,76			5,00	5,00		1,20	
3	Năm 2016	3509,28	565,69	47,65	7,45	9,63	11,70	1550,90	47,65	104,47	457,00	96,25	266,64	344,25	
1	Càng Long	353,07	0,60	0,30	0,05	9,63	2,20	44,78	8,55	31,90	181,20	53,15	20,71		
2	Câu Kè	269,44	26,44								243,00				
3	Tiểu Cần	158,38	23,35					135,03							
4	Châu Thành	220,40						113,05			6,30	16,10	1,70	83,25	
5	Trà Cú	964,28	461,50		7,40			417,90	11,90		25,00	15,00	7,23	18,35	
6	Cầu Ngang	1224,08	43,00	18,60			9,50	754,33					201,00	197,65	
7	Duyên Hải	173,34	10,80	18,25				10,72	23,00	68,57			11,00	31,00	
8	TX Duyên Hải	68,60		10,50				17,40	3,70				25,00	12,00	
9	TP Trà Vinh	77,70						57,70	0,50	4,00	1,50	12,00		2,00	
4	5 tháng đầu năm 2017	1041,96	28,80	16,20	0,00	8,15	1,50	398,25	21,04	131,00	267,46	78,98	12,68	77,90	
1	Càng Long	325,25	0,60			8,15	1,50	54,30	3,84	2,00	186,70	66,48	1,68		
2	Câu Kè	75,46									75,46				
3	Tiểu Cần	60,60	3,30					57,30							
4	Châu Thành	59,20						39,70			3,30	8,50	1,00	6,70	
5	Trà Cú	0,00													
6	Cầu Ngang	266,20		2,00				209,00					5,00	50,20	
7	Duyên Hải	200,25	24,90	0,40				13,55	15,40	129,00				17,00	
8	TX Duyên Hải	39,00		13,80				14,40	1,80				5,00	4,00	
9	TP Trà Vinh	16,00						10,00			2,00	4,00			

**BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
THÁNG 5 NĂM 2017**

Mã số	Chi tiêu	DVT	TH cùng kỳ 2016	KH vụ/năm 2017	Thực hiện Tháng 5	Ước TH 5 tháng năm 2017	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2	3	4	6=4/1	7=4/2
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
1	Cây hàng năm							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	102.924	188.500	30.966	123.939	120,42%	65,75%
1.1	Cây lương thực có hạt	Ha	75.345	139.300	27.001	95.638	126,93%	68,66%
	Cây lúa	Ha	72.803	133.000	26.786	93.112	127,90%	70,01%
	Vụ Đông Xuân 2017							
	- DT gieo sạ	Ha	68.789	55.000		59.915	87,10%	108,94%
	- Diện tích thu hoạch		50.040	55.000	8.402	59.915	119,74%	108,94%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	55,49	68,0	61,79	58,97	106,28%	86,72%
	- Sản lượng	tấn	277.660	374.000	51.914	353.296	127,24%	94,46%
	Vụ Hè Thu 2017							
	- DT gieo sạ	ha	4.014	78.000	26.786	33.196	827,01%	42,56%
	- Diện tích thu hoạch	Ha		78.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		45,13				
	- Sản lượng	tấn		352.000				
	Cây màu							
	Diện tích gieo trồng	Ha	30.121	55.500	4.180	30.827	102,34%	55,54%
	Diện tích thu hoạch	Ha	22.044	55.500	6.842	22.610	102,57%	40,74%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2.541,8	6.300	215,15	2.526,3	99,39%	40,10%
	- Diện tích thu hoạch	"	1.530,8	6.300	650	1.510,0	98,64%	23,97%
	- Năng suất	Tạ/ha	53,9	54,44	59	56,1	104,08%	103,04%
	- Sản lượng	Tấn	8.251,0	34.300	3.646	8.471,1	102,67%	24,70%
1.2.	Cây có củ	Ha	1.245,0	2.850	126	1.252	100,59%	43,94%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	649	1.200	44,30	637,1	98,14%	53,09%
	+ Diện tích thu hoạch	"	313	1.200	141	300	95,91%	25,00%
	+ Năng suất	Tạ/ha	153,29	160,00	113	113,0	73,72%	70,63%
	+ Sản lượng	Tấn	4.795,00	19.200	1.593	3.390,0	70,70%	17,66%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	404	1.000	55,80	387,3	95,76%	38,73%
	+ Diện tích thu hoạch	"	181	1.000	105,0	170,0	93,98%	17,00%
	+ Năng suất	Tạ/ha	154,13	160,00	115,2	115,0	74,61%	71,88%
	+ Sản lượng	Tấn	2.788,00	16.000	1.209,6	1.955,0	70,12%	12,22%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	191	650	26,13	228,0	119,25%	35,07%
	+ Diện tích thu hoạch	"	111	650	50	120	108,54%	18,46%
1.3.	Cây thực phẩm	Ha	15.082	30.000	2.328	14.746	97,77%	49,15%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	14.540	29.200	2.270	14.315	98,46%	49,02%
	+ Diện tích thu hoạch	"	11.876	29.200	1.430	11.950	100,62%	40,92%
	+ Năng suất	Tạ/ha	227,23	235,85	226,0	226	99,37%	95,74%
	+ Sản lượng	Tấn	269.864	688.680	32.318	269.831	99,99%	39,18%



Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ 2016	KH vụ/năm 2017	Thực hiện Tháng 5	Ước TH 5 tháng năm 2017	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	542	800	59	430	79,37%	53,81%
	+ Diện tích thu hoạch	"	270	800	161	240	88,73%	30,00%
	+ Năng suất	Tạ/ha	15,31	16,50	10,8	10,70	69,91%	64,85%
	+ Sản lượng	Tấn	414,00	1.320	174	256,80	62,03%	19,45%
1.4	Cây công nghiệp hàng năm		11.252	16.350	1.511	12.303	109,34%	75,25%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.865	5.000	233,80	3.705	95,86%	74,10%
	+ Diện tích thu hoạch	"	2386,45	5.000	1.300	2.280	95,54%	45,60%
	+ Năng suất	Tạ/ha	51,50	52,30	46,8	46,7	90,68%	89,29%
	+ Sản lượng	Tấn	12.290	26.150	6.084	10.648	86,64%	40,72%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	4.234	5.500	939,66	4.206	99,33%	76,47%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.589,65	5.500	1.070	3.550	98,90%	64,55%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.056	1.091	1.091	1.090	103,22%	99,92%
	+ Sản lượng	Tấn	379.067	600.000	116.737	386.950	102,08%	64,49%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.296	2.500	128,60	1.293	99,81%	51,73%
	+ Diện tích thu hoạch	"	870	2.500	785	890	102,30%	35,60%
	+ Năng suất	Tạ/ha	109,48	100,00	95,90	95,8	87,50%	95,80%
	+ Sản lượng	Tấn	9.525,00	25.000	7.528	8.526	89,51%	34,10%
	Cây trồng khác							
	DT gieo trồng	ha	1.857	3.350	208,80	3.098	166,84%	92,49%
	DT thu hoạch	ha	916	3.350	1.150	1.600	174,69%	47,76%
2	Cây lâu năm							
II	CHĂN NUÔI							
	Đàn trâu	con	954	790		764	80,08%	96,71%
	Đàn bò	con	176.344	210.000		199.610	113,19%	95,05%
	Đàn heo	con	351.883	395.000		368.326	104,67%	93,25%
	Đàn gia cầm	ngàn	1.480	4.500		4.254	287,40%	94,52%
B	LÂM NGHIỆP							
1.	Lâm sinh							
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha						
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"						
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha						
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha						
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha						
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây						
2.	Khai thác							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m ³						
	Trong đó: Gỗ rừng trồng	"						
C	DIỆM NGHIỆP							
D	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	32.123	43.000	2.739	32.797	102,10%	76,27%

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ 2016	KH vụ/năm 2017	Thực hiện Tháng 5	Ước TH 5 tháng năm 2017	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
1.1	Nuôi nước ngọt		919,16	3.500	131	677,23	73,68%	19,35%
	- Diện tích nuôi cá		390,65	2.000	102	478,13	122,39%	23,91%
	Trong đó: + Cá tra, cá bả sa		0,25	70	1	3	1164,00%	4,16%
	+ Cá lóc		128,45	300	44	168	130,57%	55,91%
	- Diện tích nuôi giáp xác		528,51	1.500	29	199	37,67%	13,27%
	Trong đó: tôm càng xanh		528,51	1.500	29	199	37,67%	13,27%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	31.204	39.500	2.607	32.120	102,94%	81,32%
	- Diện tích nuôi cá							
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...							
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	30.973,7	38.500	2.607	32.035	103,43%	83,21%
	Trong đó: + Tôm sú	"	15.551,4	18.000	1.054	16.663	107,15%	92,57%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	2.625,5	6.000	1.093	3.540	134,84%	59,00%
	+ Cua biển	"	12.796,7	14.500	461	11.832	92,46%	81,60%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"	230,0	1.000	-	85	36,96%	8,50%
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	50.602	169.700	13.861	57.057	112,76%	33,62%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	22.310	101.300	8.744	30.624	137,26%	30,23%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	16.412	53.900	4.351	20.169	122,89%	37,42%
	- Sản lượng cá	"	16.123,9	53.200	4.350	19.690	122,12%	37,01%
	Trong đó: + Cá tra	"	1.633,5	10.000	446	4.690	287,13%	46,90%
	+ Cá lóc	"	9.721,0	26.500	3.904	11.134	114,54%	42,02%
	- Sản lượng giáp xác	"	288,2	700	1	479	166,23%	68,43%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	288,2	700	1	479	166,23%	68,43%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
4.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	5.898,4	47.400	4.393	10.455	177,25%	22,06%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...							
	- Sản lượng tôm nuôi	"	5.649,5	44.700	4.046	9.645	170,73%	21,58%
	Trong đó: + Tôm sú	"	1.447,5	11.700	1.062,19	2.444	168,85%	20,89%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	3.270,7	25.000	2.472,45	5.516	168,66%	22,07%
	+ Nuôi cua biển	"	931,3	8.000	511,45	1.685	180,90%	21,06%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	249,0	2.700	347	810	325,29%	29,99%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	28.292	68.400	5.117,4	26.433	93,43%	38,64%
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	24.607	55.700	4.424	22.695	92,23%	40,75%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	9.505,6	22.500	1.523	9.652	101,54%	42,90%
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ 2016	KH vụ/năm 2017	Thực hiện Tháng 5	Ước TH 5 tháng năm 2017	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	3.264,7	7.200	667	3.174	97,22%	44,08%
	Trong đó: - Tôm...	"						
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	11.836,5	26.000	2.234	9.870	83,38%	37,96%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	3.684,9	12.700	693,28	3.738	101,43%	29,43%
	Trong đó: - Cá các loại	"	1.638,0	5.700	400	1.976	120,62%	34,66%
	- Tôm các loại	"	1.436,1	4.000	167	1.101	76,64%	27,51%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	610,8	3.000	127	661	108,25%	22,04%